

Phần 1: NHẬN DẠNG

Tên sản phẩm: Simple Green® d Pro 3 Plus
 Kháng khuẩn • Chất làm sạch • Chất khử trùng • Chất tiết trùng • Chất khử mùi • Thuốc diệt nấm • Chất làm sạch • Chất diệt vi rút*

Các tên khác: Simple Green d Pro 3 Plus™

Mã sản phẩm: *Vui lòng tham khảo Phần 16

Khuyến nghị sử dụng: Khử trùng, diệt khuẩn, làm sạch và khử mùi trên các bề mặt cứng, không xốp.

Hạn chế sử dụng: Việc sử dụng sản phẩm này không phù hợp với ghi nhãn là vi phạm luật Liên bang.

Được sản xuất cho: Sunshine Makers, Inc.
 15922 Pacific Coast Highway
 Huntington Beach, CA 92649 USA

Điện thoại: 800-228-0709 • 562-795-6000 Thứ Hai – Thứ Sáu, 8 giờ sáng – 5 giờ chiều, giờ PST
Fax: 562-592-3830
Email: info@simplegreen.com

Số điện thoại khẩn cấp: Dịch vụ khẩn cấp 24 giờ Chem-Tel: 800-255-3924

Phần 2: NHẬN DẠNG CHẤT NGUY HIỂM

Sản phẩm này được coi là nguy hiểm theo Tiêu chuẩn Truyền đạt thông tin về Chất nguy hiểm của OSHA 2012 (29 CFR 1910.1200).

Tổn thương mắt/Kích ứng mắt – Danh mục 1

Ăn mòn da/Kích ứng da – Danh mục 2

Độc tính cấp tính – Đường miệng 4

Độc tính cấp tính – Qua da 5

OSHA HCS 2012

Các yếu tố nhãn

Từ tín hiệu: Nguy hiểm

Ký hiệu/Tượng hình Chất nguy hiểm:



Tuyên bố về chất nguy hiểm: Có hại nếu nuốt phải. Có thể có hại khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da. Gây tổn thương mắt nghiêm trọng

Tuyên bố phòng ngừa: Rửa tay thật kỹ sau khi xử lý. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này. **NẾU NUỐT PHẢI:** Gọi cho trung tâm/bác sĩ chống độc. Xúc miệng. Đeo găng tay bảo hộ. **NẾU ĐÍNH VÀO DA:** Rửa với thật nhiều nước. Điều trị cụ thể (xem biện pháp sơ cứu trên nhãn này). Nếu xảy ra kích ứng da: Nhận tư vấn/chăm sóc y tế. Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại. Gọi cho Trung tâm Chống độc nếu bạn cảm thấy không khỏe. Đeo kính bảo vệ mắt. **NẾU ĐÍNH VÀO MẮT:** Rửa thật kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. Gọi ngay cho trung tâm/bác sĩ chống độc. Thải bỏ lượng chứa/thùng chứa theo quy định của địa phương, khu vực và quốc gia.

Chất nguy hiểm chưa được phân loại (HNOC): Không

Các thông tin khác: Nhãn sản phẩm theo quy định của Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ và có thể không phù hợp với các tuyên bố của Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp có trong Bảng Chỉ Dẫn An Toàn Hóa Chất này.

Phần 3: HỢP CHẤT/THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

	<u>Thành phần</u>	<u>Số CAS</u>	<u>Tỷ lệ phần trăm</u>
Nước		7732-18-5	> 94%*
Didecyldimonium Clorua		7173-51-5	< 5.0%*
Alkyl C12-16 Dimethylbenzyl Amoni Clorua		68424-85-1	< 5.0%*
Tetrasodium EDTA		64-02-8	< 1.0%*
Axit citric		77-92-9	< 1.0%*
Chất thơm		Hỗn hợp độc quyền	< 1.0%*

Nerol	106-25-2	< 0.1%*
Axit vàng 36	587-98-4	< 0.001%*
Axit vàng 17	6359-98-4	< 0.01%*
Xanh lam 86	1330-38-7	< 0.01%

**tỷ lệ phần trăm cụ thể của hợp chất không được công bố vì đó là bí mật thương mại*

Phần 4: CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Hít phải:	Đưa bệnh nhân ra nơi thoáng khí. Nhận chăm sóc y tế ngay lập tức. Nếu không thở được, hãy làm thông đường thở và bắt đầu hô hấp nhân tạo. Nếu nạn nhân khó thở, hãy cung cấp thêm oxy nếu có.
Tiếp xúc da:	Gây kích ứng da. NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa với thật nhiều nước. Nếu xảy ra kích ứng da: Nhận tư vấn/chăm sóc y tế.
Tiếp xúc với mắt:	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng. NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa thật kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. Gọi ngay cho trung tâm/bác sĩ chống độc.
Nuốt phải:	Nếu nuốt phải, uống ngay 3-4 ly sữa (nếu không có sẵn sữa thì uống nước.) Không gây nôn. Nếu bị nôn, hãy tiếp thêm nước. Nhận chăm sóc y tế ngay lập tức. Nhờ bác sĩ xác định xem tình trạng của bệnh nhân có cho phép gây nôn hoặc rửa dạ dày hay không. Không cho bất cứ thứ gì vào miệng của người đang bất tỉnh hoặc đang co giật. Lưu ý dành cho bác sĩ: Có khả năng gây tổn thương niêm mạc và cấm dùng phương pháp rửa dạ dày. Có thể cần các biện pháp chống sốc tuần hoàn, cũng như thở oxy và các biện pháp hỗ trợ thở thủ công hoặc bằng máy.

Các triệu chứng/tác động quan trọng nhất, cấp tính và lâu dài: Chưa biết.

Chỉ định cần chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt, nếu cần thiết: Điều trị theo triệu chứng

Phần 5: CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy phù hợp & không phù hợp:	Sử dụng hóa chất khô, CO ₂ , vòi xịt nước hoặc bọt "còn". Tránh sử dụng vòi nước khối lượng lớn.
Các chất nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất:	Trong trường hợp xảy ra cháy, lửa sẽ tạo ra oxit cacbon, có thể tạo thành amoni, nitơ clorua, nitơ oxit.
Các biện pháp bảo vệ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa:	Phải đeo mặt nạ dưỡng khí do NIOSH/MSHA phê chuẩn và mặc quần áo bảo hộ. Làm mát các thùng chứa tiếp xúc với lửa bằng vòi xịt nước.

Sản phẩm này không bắt lửa. Xem Phần 9 để biết các tính chất vật lý.

Phần 6: CÁC BIỆN PHÁP GIẢM NHẸ TAI NẠN

Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, Thiết bị bảo hộ và Quy trình khẩn cấp: *Đối với nhân viên khẩn cấp và không khẩn cấp:* Xem phần 8 – bảo vệ cá nhân. Tránh tiếp xúc với mắt. Cần phải có kính bảo hộ.

Các biện pháp phòng ngừa môi trường: Không cho phép xâm nhập vào hệ thống nước lộ thiên và hệ thống nước ngầm.

Phương pháp và vật liệu để chứa đựng và dọn dẹp: Chặn hoặc thấm bằng vật liệu thấm hút. Xem phần 13 để biết những cân nhắc khi thải bỏ.

Phần 7: XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn: Đảm bảo đủ thông gió. Tránh xa tầm tay trẻ em. Tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở và ánh nắng trực tiếp. Không chọc thủng bất kỳ phần nào của thùng chứa. Không trộn lẫn hoặc làm nhiễm bẩn với các hóa chất khác. Không ăn, uống hoặc hút thuốc trong khi sử dụng sản phẩm này.

Các điều kiện để bảo quản an toàn bao gồm các điều kiện không tương thích: Chỉ bảo quản trong thùng chứa ban đầu. Cát sản phẩm này trong kho bảo quản có khóa phù hợp để trẻ em hoặc những người không quen sử dụng không thể tiếp cận được. Đóng

chặt nắp thùng chứa. cất ở nơi khô mát. Tránh phơi nhiễm lâu dưới ánh sáng mặt trời. Không bảo quản ở nhiệt độ trên 109°F (42.7°C). Không đặt nghiêng thùng chứa. Tránh làm cong vênh hoặc tác động tới các thành bên của thùng chứa. Thùng chứa không thể nạp lại. Không sử dụng lại hoặc nạp lại thùng chứa này. Chỉ bảo quản chất cô đặc và dung dịch loãng trong bao bì HDPE.

Phần 8: BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

Giá trị giới hạn phơi nhiễm:

Ethanol 64-17-5

Loại giá trị (Hình thức phơi nhiễm)	Tham số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ bản
STEL	1,000 ppm	ACGIH
REL	1,000 ppm; 1,900 mg/m ³	NIOSH/GUIDE
PEL	1,000 ppm; 1,900 mg/m ³	OSHA_TRANS
TWA	1,000 ppm; 1,900 mg/m ³	Z1A
STEL	1,000 ppm	CAD ON OEL

Biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp: Vòi hoa sen & bồn rửa mắt. Trong các quá trình có thể tạo ra sương mù hoặc hơi nước thì phải thông gió thích hợp theo các thực hành thông gió tốt.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân / Thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE)

Tiếp xúc với mắt: Đeo kính chống văng hóa chất khi có khả năng tiếp xúc với mắt. Sử dụng kính an toàn có tấm chắn bên cạnh khi không có khả năng tiếp xúc với mắt.

Hô hấp: Khi cần thiết, hãy đeo mặt nạ dưỡng khí do NIOSH/MSHA đồng phê chuẩn khi không có các biện pháp kiểm soát môi trường thích hợp.

Tiếp xúc da: Sử dụng cao su hoặc neoprene để ngăn da tiếp xúc với chất cô đặc.

Các lưu ý chung về vệ sinh: Rửa kỹ sau khi xử lý và trước khi ăn hoặc uống.

Xem phần 16 để biết mức đánh giá NFPA.

Phần 9: CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Biểu hiện bên ngoài:	Chất lỏng màu xanh lục trong	Hệ số phân chia: n-octanol/nước:	Chưa xác định		
Mùi:	Mùi thơm ngọt của hoa oải hương	Nhiệt độ tự bốc cháy:	Không bắt lửa		
Ngưỡng mùi:	Chưa xác định	Nhiệt độ phân hủy:	Chưa biết		
pH:	7.0 – 9.0	Độ nhớt:	Cps @ 25 °C <100		
Điểm đóng băng:	0°C (32°F)	Trọng lượng riêng:	0.995 – 1.01		
Dải & Điểm sôi:	101°C (213.8°F)	Hợp chất hữu cơ bay hơi (VOC):	<i>**Nước & chất thơm không được đưa vào trong tính toán</i>		
Điểm chớp cháy:	>94 °C (> 201°F)	SCAQMD 304-91 / EPA 24:	Chưa kiểm tra		
Tốc độ bay hơi:	Chưa xác định	Phương pháp CARB 310**:	6.39 g/L	0.053 lbs./gal	0.63%
Tính dễ cháy (chất rắn, khí):	Chưa xác định	Phương pháp SCAQMD 313:	Chưa kiểm tra		
Tính dễ cháy cao hơn/thấp hơn hoặc Giới hạn phát nổ:	Không áp dụng	Áp suất một phần hỗn hợp VOC:	Chưa xác định		
Áp suất bay hơi:	Chưa xác định	Mật độ tương đối:	8.3 – 8.42 lbs./gal		
Mật độ bay hơi:	Chưa xác định	Độ hòa tan:	100% trong nước		
Phần trăm hoạt tính:	4.22% - 4.44%				

Phần 10: ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Phản ứng:	Không phản ứng.
Độ ổn định hóa chất:	Ổn định ở các điều kiện bình thường 70°F (21°C) và 14.7 psig (760 mmHg).
Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm:	Phản ứng với chất oxy hóa
Các điều kiện cần tránh:	Quá nóng hoặc quá lạnh.
Các vật liệu không tương thích:	Chất oxy hóa hoặc chất khử mạnh. Không trộn với chất oxy hóa (Hydrogen Peroxide, “chất tẩy trắng”, Sodium Hypochlorite), axit, kiềm mạnh, chất khử trùng, chất kháng khuẩn, chất chống vi khuẩn, chất tẩy rửa phòng tắm hoặc bất kỳ loại chất tẩy vết bẩn nào. KHÔNG TRỘN VỚI BẤT KỲ CHẤT GÌ NGOÀI NƯỚC SẠCH.
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm:	Sự phân hủy do nhiệt có thể tạo ra hơi/khói độc của hydro clorua, amin, các vật liệu khác và các oxit của cacbon và nitơ.

Phần 11: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Các khả năng phơi nhiễm:	Hít phải -	Có thể gây kích ứng màng nhầy
	Tiếp xúc da -	Kích ứng da.
	Tiếp xúc với mắt -	Tổn thương mắt nghiêm trọng.
	Nuốt phải -	Có thể gây đau bụng.

Các triệu chứng liên quan tới đặc điểm vật lý, hóa học và độc học: không có triệu chứng theo dự kiến trong các điều kiện sử dụng điển hình.

Tác động lâu dài và tức thì và/hoặc tác động mãn tính do phơi nhiễm trong thời gian ngắn: Không có thông tin về ảnh hưởng sức khỏe đối với người bị phơi nhiễm. Dựa trên thông tin hiện có về độc tính trên động vật đối với các vật liệu tương tự, người ta dự đoán rằng việc tiếp xúc trực tiếp với chất cô đặc này có thể gây kích ứng da hoặc mắt nghiêm trọng.

Tác động lâu dài và tức thì và/hoặc tác động mãn tính do phơi nhiễm trong thời gian dài: Không có thông tin về ảnh hưởng sức khỏe đối với người bị phơi nhiễm. Dựa trên thông tin hiện có về độc tính trên động vật đối với các vật liệu tương tự, Phơi nhiễm lâu có thể gây bỏng hóa chất với tổn thương không thể phục hồi. Nuốt phải có thể gây đau rát ở miệng, cổ họng và bụng; sưng thanh quản; sốc tuần hoàn và/hoặc co giật. Sương mù hoặc hơi nước của chất cô đặc này có thể gây kích ứng màng nhầy

Tác động tương tác: Chưa biết.

Số đo độc tính

Độc tính cấp tính:	Đường miệng LD ₅₀ (chuột cống)	300 – 2000 mg/kg
	Qua da LD ₅₀ (thỏ)	2000 – 5000 mg/kg

Không có thông tin về độc tính cho vật liệu cụ thể này. Thông tin về độc tính này được cung cấp cho các công thức tương tự.

Ăn mòn da/Kích ứng da:	Mức kích ứng theo tính toán. Chưa thực hiện xét nghiệm trên động vật.
Tổn thương mắt/Kích ứng mắt:	Tổn thương mắt nghiêm trọng theo tính toán. Chưa thực hiện xét nghiệm trên động vật.
Khả năng gây đột biến gen ở tế bào mầm:	Hỗn hợp không được phân loại theo danh mục này.
Khả năng gây ung thư:	Hỗn hợp không được phân loại theo danh mục này.
Độc tính sinh sản:	Hỗn hợp không được phân loại theo danh mục này.
STOT-Phơi nhiễm một lần:	Hỗn hợp không được phân loại theo danh mục này.
STOT-Phơi nhiễm lặp lại:	Hỗn hợp không được phân loại theo danh mục này.
Nguy hiểm đến hô hấp:	Hỗn hợp không được phân loại theo danh mục này.

Phần 12: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái:	Khối lượng các thành phần được sử dụng không giúp phân loại độc tính theo Hệ thống hài hòa Toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất.
Thủy sinh:	Chưa kiểm tra trên công thức thành phẩm.

Trên cạn: Chưa kiểm tra trên công thức thành phẩm.

Tính bền và khả năng phân hủy: Không có dữ liệu.

Khả năng tích tụ sinh học: Không có dữ liệu.

Tính di động trong đất: Không có dữ liệu.

Các tác dụng phụ khác: Không có dữ liệu.

Phần 13: NHỮNG CÂN NHẮC KHI THẢI BỎ

Chất lỏng chưa sử dụng hoặc đã sử dụng

THẢI BỎ THUỐC TRỪ SÂU: Chất thải thuốc trừ sâu rất nguy hại. Việc thải bỏ không đúng cách đối với thuốc trừ sâu, hỗn hợp phun dư thừa hoặc nước thải rửa là vi phạm Luật Liên bang. Nếu những chất thải này không thể được thải bỏ theo hướng dẫn trên nhãn, hãy liên hệ với Cơ quan Kiểm soát Môi trường hoặc Thuốc trừ sâu Tiểu bang của bạn, hoặc Đại diện về Chất thải Nguy hại tại Văn phòng Khu vực EPA gần nhất để được hướng dẫn.

Phần 13: NHỮNG CÂN NHẮC KHI THẢI BỎ – tiếp tục

Thùng chứa rỗng:

THẢI BỎ THÙNG CHỨA: Thùng chứa không thể nạp lại. Không sử dụng lại hoặc nạp lại thùng chứa này. Rửa thùng ba lần ngay sau khi dùng hết. Rửa thùng ba lần như sau: Đổ nước vào chiếm ¼ thùng chứa và đóng nắp lại. Xúc trong 10 giây. Xả trong 10 giây sau khi dòng chảy bắt đầu nhỏ giọt. Làm theo hướng dẫn Thải bỏ Thuốc trừ sâu để xử lý nước thải rửa. Lặp lại quy trình này thêm hai lần. Sau đó đưa đi tái chế nếu có hoặc chọc thủng và thải bỏ tại bãi chôn lấp hợp vệ sinh, hoặc bằng cách thiêu.

Phần 14: THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

Số U.N:

Không áp dụng

Tên vận chuyển phù hợp U.N:

Hợp chất làm sạch, NOI chất lỏng

Phân loại chất nguy hiểm trong vận chuyển:

Không áp dụng

Nhóm đóng gói:

Không áp dụng

Chất nguy hiểm với môi trường:

Ô nhiễm môi trường biển - KHÔNG

Vận chuyển theo lô (theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và bộ luật IBC):

Chưa biết.

Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt mà người dùng cần biết/tuân thủ, liên quan đến vận tải hoặc vận chuyển trong hoặc ngoài cơ sở của họ:

Hoa Kỳ (DOT) / TDG Canada:

Chưa quy định đối với vận chuyển.

ICAO/ IATA:

Chưa phân loại là Nguy hiểm

IMO / IDMG:

Chưa phân loại là Nguy hiểm

ADR/RID:

Chưa phân loại là Nguy hiểm

Phần 15: THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH

Đạo luật Liên bang về Thuốc diệt côn trùng, Thuốc diệt nấm và Thuốc diệt Loài gặm nhấm (FIFRA)

Hóa chất này là một sản phẩm thuốc trừ sâu được đăng ký bởi Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ và phải tuân theo một số yêu cầu ghi nhãn theo luật thuốc trừ sâu của liên bang. Các yêu cầu này có thể khác với các tiêu chí phân loại và thông tin về chất nguy hiểm bắt buộc phải có đối với các bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất (SDS) và đối với các nhãn hóa chất không phải thuốc trừ sâu tại nơi làm việc. Thông tin về chất nguy hiểm bắt buộc phải có trên nhãn thuốc trừ sâu được thể hiện bên dưới. Nhãn thuốc trừ sâu cũng bao gồm các thông tin quan trọng khác, kể cả hướng dẫn sử dụng.

CHẤT NGUY HIỂM ĐỐI VỚI CON NGƯỜI VÀ VẬT NUÔI

NGUY HIỂM: Ăn mòn. Gây tổn thương mắt và bỏng da không thể hồi phục. Có hại nếu nuốt phải hoặc hấp thụ qua da. Không để dính vào mắt, da hoặc quần áo. Đeo kính bảo hộ hoặc tấm che mặt, găng tay cao su và mặc quần áo bảo hộ khi xử lý. Rửa kỹ bằng xà phòng và nước sau khi xử lý và trước khi ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng thuốc lá, hoặc đi vệ sinh. Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch quần áo trước khi sử dụng lại.

SƠ CỨU: Trong trường hợp khẩn cấp, hãy gọi cho trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ để được tư vấn điều trị. Mang theo thùng chứa hoặc nhãn sản phẩm khi gọi cho trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ, hoặc khi đi điều trị.

NẾU DÍNH VÀO MẮT: Mở mắt và rửa từ từ và nhẹ nhàng với nước trong 15-20 phút. Tháo kính áp tròng, nếu có, sau 5 phút đầu tiên, sau đó tiếp tục rửa mắt.

NẾU DÍNH VÀO DA: Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn. Ngay lập tức rửa sạch da với thật nhiều nước trong 15-20 phút.

NẾU NUỐT PHẢI: Cho người đó uống một ly nước nếu có thể nuốt được. Không gây nôn trừ khi được trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ yêu cầu. Không cho bất cứ thứ gì vào miệng của người đang bất tỉnh. Gọi ngay cho trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ để được tư vấn điều trị.

NẾU HÍT PHẢI: Đưa bệnh nhân ra nơi thoáng khí. Nếu người đó không thở, hãy gọi 911 hoặc xe cấp cứu, sau đó hô hấp nhân tạo, tốt nhất là bằng miệng, nếu có thể.

LƯU Ý DÀNH CHO BÁC SĨ: Có khả năng gây tổn thương niêm mạc và cấm dùng phương pháp rửa dạ dày.

SỐ ĐĂNG KÝ EPA: 10324-154-56782

Tất cả các thành phần được liệt kê trên: Bản kiểm kê TSCA và DSL.

Phần 15: THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH – tiếp tục

SARA Tiêu đề III: Mục 311/312 Danh mục chất nguy hiểm – Không áp dụng.

	CAS	Danh mục chất nguy hiểm	Nồng độ Tối đa Điển hình.
Ethanol	64-17-5	F	0.64%

Mục 313 Đạo luật sửa đổi và cấp phép lại Superfunds năm 1986 – Không áp dụng.

Mục 302 – Không áp dụng.

Đạo luật Không khí Sạch (CAA): Không áp dụng

Đạo luật Nước Sạch (CWA): Không áp dụng

Danh sách Quyền được biết của Tiểu bang: Ethanol, 64-17-5, Massachusetts, New Jersey, Pennsylvania

Đề xuất California 65: Không có hóa chất nào trong sản phẩm này cần phải được thông báo theo Đề xuất California 65

Phần 16: CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kích thước	UPC
1 Gallon Nhãn bán lẻ	043318004575
1 Gallon Nhãn công nghiệp	043318004568
1 Gallon kèm lọ rỗng 32 ounce chất lỏng	043318011603
5 Gallon	043318004544
55 Gallon	043318004551

Chỉ liệt kê các mặt hàng của Hoa Kỳ. Không phải tất cả các mục được liệt kê. Các mặt hàng của Hoa Kỳ có thể không hợp lệ để bán quốc tế.

NFPA:

Sức khỏe – Ăn mòn mắt

Tính dễ cháy – Nhẹ

Độ ổn định – Ổn định

Đặc biệt - Không



Từ viết tắt

NTP Chương trình Độc học Quốc gia

OSHA Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp

TSCA Đạo luật Kiểm soát Chất độc

IARC

CPSC

DSL

Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Quốc tế

Ủy ban An toàn Sản phẩm Tiêu dùng

Danh sách các chất nội địa

Bảng chỉ dẫn An toàn Hóa chất: **Simple Green® d Pro 3 Plus**

Số phiên bản 01128-20A

Ngày phát hành: 28/10/2020

Ngày thay thế: 25/01/2018

OSHA HCS-2012 / GHS

Được lập / Sửa đổi bởi: Sunshine Makers, Inc., Bộ phận Quản lý.

SDS này đã được sửa đổi trong các phần sau: Điều chỉnh Phần 3 theo Công bố Thành phần California và các sửa đổi nhỏ.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM: Thông tin được cung cấp trong Bảng Chỉ dẫn An toàn Hóa chất này là chính xác theo hiểu biết, thông tin và niềm tin tốt nhất của chúng tôi tại ngày xuất bản. Thông tin đã cung cấp chỉ nhằm hướng dẫn cho quá trình xử lý, sử dụng, chế biến, bảo quản, vận chuyển, thải bỏ và phát thải một cách an toàn và không được coi là sự bảo đảm hoặc đặc điểm kỹ thuật chất lượng. Thông tin chỉ liên quan đến vật liệu cụ thể được chỉ định và có thể không có giá trị đối với vật liệu đó được sử dụng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào, trừ khi được quy định trong văn bản.